TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 11 - 2018
"V/v: Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Văn Khách

2. Bà Trần Thị Thanh Miên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 463/2018/HNGĐ-ST ngày 16-10-2018 về việc: "*Tranh chấp Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-11-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị P, sinh năm: 1977 (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị Ptrình bày:

Chị Trương Thị P và anh Nguyễn Văn L sống chung với nhau từ tháng 12/1998, việc sống chung hoàn toàn tự nguyện, đến năm 2002 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, anh L không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Do vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nay, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về việc nuôi con: Trong thời gian chung sống, anh chị có ba người con chung, hiện các cháu đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản lời khai ngày 26/10/2018, anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh L với chị Trương Thị P tự nguyện sống chung với nhau từ tháng 12/1998, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định. Trong thời gian chung sống, anh chị vẫn sống bình thường, không mâu thuẫn gì. Nay, chị P yêu cầu ly hôn thì anh L không đồng ý.

Về việc nuôi con và tài sản chung: Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Chị Trương Thị P và anh Nguyễn Văn L tự nguyện sống chung với nhau, đến năm 2002 hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị P kiên quyết xin được ly hôn, anh L không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, theo lời trình bày của nguyên đơn hiện anh chị đã sống ly thân; mặt khác, theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cũng thể hiện cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị P là phù hợp.

Về việc nuôi con và tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án dân sự về việc " Tranh chấp Ly hôn", các bên đương sự hiện cư trú tại thôn 8, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn L có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Xét thấy, bị đơn anh L đã có bản lời khai trình bày rõ quan điểm, ý kiến của mình và có đơn xin vắng mặt, việc vắng mặt của anh L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị P cho rằng, trong thời gian chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, anh L không quan tâm, chăm sóc gia đình. Xét thấy, chị P và anh L sống chung với nhau từ năm 1998, việc sống chung hoàn toàn tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P cho rằng vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng do anh L không quan tâm, chăm sóc gia đình; còn anh L cho rằng vợ chồng vẫn sống bình thường, không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, theo lời trình bày của nguyên đơn hiện anh chị đã sống ly thân; mặt khác, theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại địa phương cũng thể hiện cuộc sống hôn nhân của anh chị không được hạnh phúc.

Tại phiên tòa chị P vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh L. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị P là phù hợp.

[3] Về việc nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị P phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; các điều 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên

xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị P về việc "Tranh chấp Ly hôn".

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2/ Về việc nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 026698 ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Bình Phước. Chị P đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn chị Trương Thị P có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Phú Riềng;*
- *CC THA DS huyện Phú Riềng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Văn Dương